

UBND PHƯỜNG MÓNG CÁI 3
TRƯỜNG MẦM NON MÓNG CÁI 3



BẢNG CÔNG KHAI THỰC PHẨM HÀNG NGÀY

(Ngày 02 tháng 03 năm 2026)

Sĩ số: 770 trẻ (Trung tâm: 394; Hải Đông: 376 trẻ)

Tiền ăn: 23,520đ

STT	Tên thực phẩm	Đơn giá (đ)	Đơn vị tính	Tổng cộng		Điểm Trung tâm		Điểm Hải Đông	
				Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)
Nhóm đi chợ					13.016.000		6.681.000		6.335.000
1	Bí đỏ	30.000	Kg	10	300.000	5	150.000	5	150.000
2	Cà rốt	30.000	Kg	4	120.000	2	60.000	2	60.000
3	Đậu xanh bỏ vỏ	50.000	Kg	1,5	75.000	0,8	40.000	0,7	35.000
4	Gói gia vị kho tàu	250.000	Kg	1,5	375.000	0,8	200.000	0,7	175.000
5	Hành khô	60.000	Kg	0,7	42.000	0,4	24.000	0,3	18.000
6	Hành lá	45.000	Kg	2	90.000	1	45.000	1	45.000
7	Khoai tây	30.000	Kg	13	390.000	7	210.000	6	180.000
8	Ngô ngọt	35.000	Kg	9	315.000	5	175.000	4	140.000
9	Nước cốt dừa wonderfarm	150.000	Kg	0,5	75.000	0,3	45.000	0,2	30.000
10	Rau mùi	85.000	Kg	1,2	102.000	0,6	51.000	0,6	51.000
11	Thịt ghe bóc nỡn	550.000	Kg	2,5	1.375.000	1,3	715.000	1,2	660.000
12	Thịt lợn nạc	130.000	Kg	36	4.680.000	18	2.340.000	18	2.340.000
13	Tôm nỡn	220.000	Kg	4,6	1.012.000	2,3	506.000	2,3	506.000
14	Trứng chim cút	90.000	Kg	31	2.790.000	16	1.440.000	15	1.350.000
15	Xương lợn	85.000	Kg	15	1.275.000	8	680.000	7	595.000
Nhóm xuất kho					5.095.000		2.586.000		2.509.000
1	Gạo tẻ	20.000	Kg	72	1.440.000	37	740.000	35	700.000
2	Đường kính	30.000	Kg	1	30.000	0,5	15.000	0,5	15.000
3	Nước mắm Nam Ngư	70.000	Lít	0,9	63.000	0,5	35.000	0,4	28.000
4	Muối iốt tinh	15.000	Kg	0,8	12.000	0,4	6.000	0,4	6.000
5	Dầu ăn meizan	60.000	Kg	5,5	330.000	3	180.000	2,5	150.000
6	Sữa Meta Care Kinder	230.000	Kg	14	3.220.000	7	1.610.000	7	1.610.000
Tổng chi					18.111.000		9.267.000		8.844.000
Tổng thu					18.110.400		9.266.880		8.843.520
Thừa (thiếu) trong ngày					-600		-120		-480
Tồn hôm trước					380		640		-260
Thừa (Thiếu) tính sang ngày hôm sau					-220		520		-740

770 23.520
394
376